

Số: /QĐ-TGPL

Bình Định, ngày tháng năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán NSNN năm 2023 của  
Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bình Định.

### GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM TRỢ GIÚP PHÁP LÝ NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 4179/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh Bình Định về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 154/QĐ-STP ngày 30/12/2022 của Sở Tư pháp tỉnh Bình Định về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổng hợp - Hành chính.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai dự toán NSNN năm 2023 của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bình Định (theo các biểu mẫu chi tiết kèm theo Quyết định này).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trưởng phòng Tổng hợp- Hành chính, kế toán đơn vị và viên chức, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm, Chi nhánh có trách nhiệm liên quan thực hiện Quyết định này kể từ ngày ký./.

#### Nơi nhận:

- Sở Tư pháp (b/c);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TH.

GIÁM ĐỐC

Lê Thành Trung

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018

Đơn vị: **TRUNG TÂM TRỢ GIÚP PHÁP LÝ NN TỈNH BÌNH**

**ĐỊNH**

Chương: **414**

## **DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ- TGPL ngày 18/10/2023 của Trung tâm TGPL)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>	
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>	
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>	
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>	
<b>4</b>	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>	
<b>5</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế ( khoản 338 )</b>	<b>5.316.000.000</b>
<b>a</b>	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>2.821.000.000</b>
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên ( Kinh phí thực hiện tự chủ Chi lương và bộ máy hành chính )	2.821.000.000
	<b>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên ( Kinh phí thực hiện chuyên môn, nghiệp vụ TGPL )</b>	<b>2.495.000.000</b>
	<b>Khoản 338</b>	<b>2.495.000.000</b>
	- KP hoạt động của Hội đồng tổ tụng	156.000.000
	- KP trang phục Trợ giúp viên	56.000.000
	- KP Hoạt động Trợ giúp pháp lý...	2.069.000.000
	- Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	54.000.000
	- Kinh phí trợ giúp pháp lý cho người khuyết tật	60.000.000
	- Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi	50.000.000
	- Chương trình bình đẳng giới đến năm 2030	50.000.000
<b>6</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo - Khoản 085</b>	<b>45.000.000</b>
	- Tập huấn nghiệp vụ Trợ giúp pháp lý	45.000.000
<b>7</b>	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>	
<b>8</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>	
<b>9</b>	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>	
<b>10</b>	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>	
<b>II</b>	<b>Nguồn vốn viện trợ</b>	
<b>III</b>	<b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>	

